

SƠ YẾU LÝ LỊCH



HỌ VÀ TÊN	TẠ MINH QUANG
SINH NĂM	1981
NGHỀ NGHIỆP	Giảng viên, Khoa quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế quốc dân.
LIÊN HỆ:	0936-468-866 Quangtm2008@gmail.com
SỞ THÍCH:	Đá cầu, tập chạy và dọn dẹp nhà cửa.

HỌC VẤN

Nghiên cứu sinh tại Khoa Marketing, Trường Đại học Wageningen, Hà Lan.
6/2015 – 8/2020

Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Trung tâm đào tạo về quản lý, Phòng Thương mại Pháp và Trường Đại học Kinh tế quốc dân (CFVG)
10/2004 – 3/2007

Cử nhân Khoa kinh tế quản lý đô thị và môi trường, trường Đại học Kinh tế quốc dân
9/2000 – 8/2004

KINH NGHIỆM

6/2015 – 8/2020

Thực hiện đề tài nghiên cứu: “Sự thay đổi của lĩnh vực sản xuất tôm ở Việt Nam: mối quan hệ giữa người nuôi với thương lái”. Nghiên cứu tập trung vào những thay đổi mà người nuôi tôm đang phải đối mặt trong bối cảnh của sự hội nhập sâu và nhanh với kinh tế thế giới. Đó là những thay đổi liên quan đến: (1) kỳ vọng tăng trưởng xuất khẩu và sản lượng, (2) liên kết dựa trên quan hệ xã hội, và (3) đặc tính ưa thích khi tham gia vào các mô hình liên kết mới.

8/2012 – 5/2015

Làm việc tại Khoa quản trị kinh doanh, Trường Đại học kinh tế quốc dân. Giảng dạy môn quản trị chiến lược. Tham gia biên soạn giáo trình quản trị chuỗi cung ứng. Được cử đi đào tạo ngắn hạn tại trường Đại học Halifax, Canada (từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2014).

9/2009 – 4/2012

Trải qua 3 công ty khác nhau với cùng một vị trí là trợ lý tổng giám đốc. Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng di động (MIDC) từ 9/2009 đến 9/2010. Công ty Cổ phần Tài Chính Nhà Hà Nội (HAFIC) từ 10/2010 đến 4/2011. Công ty Bất động sản Hà Nội từ 4/2011 đến 4/2012.

5/2005 – 9/2009

Làm việc tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Hà Nội. Tham gia phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ (thẻ thanh toán và chính sách tín dụng cá nhân).

KỸ NĂNG

Kỹ năng viết:

Có khả năng viết ngắn gọn, xúc tích, và đúng trọng tâm. Kỹ năng này được hình thành và trau dồi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu sinh.

Kỹ năng tư duy học thuật:

Có khả năng sử dụng các lý thuyết quản trị kinh doanh đương đại để phân tích vấn đề và định hướng nghiên cứu, giải quyết vấn đề một cách có hệ thống, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập.

Kỹ năng thu thập thông tin:

Có khả năng tổ chức khảo sát thực địa để thu thập số liệu phục vụ cho đề tài nghiên cứu. Kinh nghiệm điều tra khảo sát với 200 nông dân tại huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Kỹ năng phân tích xử lý số liệu:

Có khả năng xử lý và phân tích số liệu định lượng với phần mềm SPSS. Các mô hình phân tích đã thực hiện gồm: phân tích hồi quy đa biến, phân tích phương trình cấu trúc (SEM), và phân tích đồng thời (conjoint analysis).

Kỹ năng sử dụng tiếng Anh:

Có khả năng nói và viết tốt.

NGHIÊN CỨU

Đề tài	Sự thay đổi về cấu trúc và quan hệ chuỗi cung ứng tôm ở Việt Nam
Thời gian thực hiện	6/2016 – 7/2017
Đặt vấn đề	<p>Kể từ khi nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn “đổi mới” năm 1986, ngành tôm Việt Nam đã có những thay đổi sâu sắc. Các nghiên cứu trước đây về ngành tôm Việt Nam có thể được phân thành hai nhánh. Nhánh thứ nhất tập trung vào khía cạnh kỹ thuật của sản xuất tôm với mục đích làm chủ kỹ thuật nuôi, các giai đoạn nuôi, chuẩn hóa quy trình nuôi phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Nhánh thứ hai đề cập đến khía cạnh kinh tế xã hội của ngành tôm với các chủ đề đa dạng như liên kết chuỗi cung ứng, đánh giá tác động môi trường, sinh kế và các mô hình nuôi bền vững. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào xem xét bản chất của sự thay đổi trong chuỗi cung ứng tôm ở Việt Nam. Nói cách khác, chúng tôi đặt câu hỏi sự thay đổi trong chuỗi cung ứng tôm bắt nguồn từ đâu, điều gì đang thúc đẩy hoặc kìm hãm sự thay đổi này.</p>
Cách tiếp cận	<p>Để trả lời câu hỏi này, trước tiên nhóm nghiên cứu chúng tôi sử dụng lý thuyết của kinh tế học thể chế (institutional economics) để xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu luận giải cho những tác động của môi trường thể chế đến sự phát triển của ngành kinh tế nông nghiệp ở các nước đang phát triển và sau đó áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính (qualitative study) để phân tích số liệu thu thập được từ ngành tôm Việt Nam.</p>
Số liệu	<p>Đây là một nghiên cứu định tính sử dụng phương pháp case-study method (Yin 2014). Nhóm nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng một bảng phỏng vấn với các câu hỏi mở và thực hiện được với tổng cộng 26 người có liên quan, hiểu biết về ngành tôm Việt Nam. Cụ thể: chúng tôi đã phỏng vấn được 8 người đại diện cho các nhà máy chế biến tôm, 8 nông dân nuôi tôm, 4 thương lái mua bán tôm, 4 nhà nghiên cứu về ngành tôm, 1 người đại diện chính quyền địa phương, và 1 cán bộ khuyến nông.</p>
Kết quả	Kết quả cho thấy cấu trúc chuỗi tôm có sự thay đổi theo hướng xuất hiện ngày

càng nhiều các mô hình kinh doanh liên kết chuỗi nhằm nâng cao năng lực sản xuất tôm của nông dân đạt tiêu chuẩn thị trường xuất khẩu. Quan hệ giữa các đối tác trong chuỗi cũng có sự thay đổi theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào các yếu tố xã hội.

Xuất bản Nghiên cứu này đang được gửi đến tạp chí Journal of international agribusiness.

Đề tài **Liên kết thị trường xuất khẩu của người nuôi tôm ở Việt Nam.**

Thời gian thực hiện 8/2017 – 9/2018.

Đặt vấn đề Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu 10 tỉ đô la giá trị xuất khẩu tôm vào năm 2025. So với giá trị xuất khẩu tôm đạt được trong năm 2019 vào khoảng trên 3.2 tỉ đô la, mục tiêu 10 tỉ đô vào năm 2025 là một tham vọng lớn, đặt ra nhiều thách thức cho ngành tôm hiện nay. Đặc điểm chính của ngành tôm hiện nay là: sản xuất nhỏ, phân tán, chưa chủ động về nguyên liệu đầu vào (con giống, thức ăn), quan hệ sản xuất dựa trên các yếu tố xã hội. Thực tế này đặt ra câu hỏi: làm thế nào để hiện thực hóa được mục tiêu 10 tỉ đô la xuất khẩu tôm vào năm 2025 trong bối cảnh nền sản xuất tôm còn nhiều hạn chế như hiện nay?

Cách tiếp cận Nghiên cứu tập trung vào những người nuôi tôm độc lập, mắt xích yếu nhất trong chuỗi cung ứng tôm xuất khẩu ở Việt Nam hiện nay. Theo một thống kê chưa chính thức, người nuôi tôm độc lập đóng góp hơn 60% tổng sản lượng và hơn 80% trong số đó hiện đang bán tôm cho thương lái. Nhận thức, hành vi, và quyết định của họ có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành tôm nói chung và mục tiêu 10 tỉ đô la xuất khẩu năm 2025 nói riêng. Do vậy, nghiên cứu này đã lựa chọn xem xét ảnh hưởng của ý định tham gia vào các mô hình liên kết sản xuất tôm của người nuôi độc lập đến kỳ vọng tăng trưởng của họ trong tương lai.

Số liệu Nghiên cứu này thu thập số liệu từ 200 người nuôi tôm độc lập (chưa tham gia vào bất kỳ mô hình liên kết nào) và 5 cán bộ khuyến nông tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Kế hoạch thu thập số liệu gồm 3 giai đoạn. Giai đoạn 1: khảo sát

sơ bộ. Ở giai đoạn này, tác giả khảo sát thử 10 người nuôi độc lập ở Tỉnh Sóc Trăng nhằm kiểm tra mức độ phù hợp của bảng hỏi và thiết lập mạng lưới công việc với các bên liên quan gồm chi cục thủy sản, cán bộ khuyến nông tỉnh Cà Mau và huyện Đầm Dơi, chuẩn bị nhân sự tham gia lấy số liệu (giảng viên và sinh viên trường Đại Học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh). Giai đoạn 2: lên phương án lấy số liệu. Giai đoạn này gồm các công việc như: tập huấn cho các cán bộ tham gia (6 người không kể tác giả), kế hoạch hậu cần (di chuyển từ TP HCM đi Huyện Đầm Dơi, Cà Mau, ăn ở trong thời gian 7 ngày lấy số liệu, phương án cho từng ngày...). Giai đoạn 3: thực hiện lấy số liệu. Thu thập số liệu từ 200 người nuôi được thực hiện trong 7 ngày liên tục. Mỗi người một ngày trung bình thu thập được từ 5 đến 7 phiếu hỏi vì việc di chuyển rất khó khăn và mất nhiều thời gian. Tình huống phát sinh là: kế hoạch ban đầu dự kiến là thuê xe máy, nhưng trên thực tế không có xe để thuê, hơn nữa nếu tự lái cũng không an toàn do không quen địa hình, nên nhóm phải sử dụng xe ôm (chi phí tăng gấp 2).

Kết quả

Nghiên cứu cho thấy người nuôi tôm có ý định tham gia vào các mô hình liên kết và ý định này có ảnh hưởng tích cực đến kỳ vọng tăng trưởng sản xuất của họ trong tương lai. Điểm đáng chú ý là cán bộ khuyến nông và nông dân có nhận định khác nhau về vai trò của thương lái. Cán bộ khuyến nông cho rằng sự tham gia của thương lái có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển ngành tôm. Ngược lại với nhận định này, nông dân vẫn tin tưởng vào quan hệ với thương lái.

Xuất bản

Nghiên cứu này hiện đang được gửi đăng trên tạp chí international journal of agribusiness.

Đề tài

Liên kết dựa trên quan hệ xã hội giữa người nuôi tôm và thương lái ở Việt Nam.

Thời gian thực hiện

9/2018 – 12/2019.

Đặt vấn đề

Sự tham gia ngày càng nhiều hơn vào các chuỗi cung ứng toàn cầu đòi hỏi ngành tôm Việt Nam phải tuân thủ chặt chẽ hơn nữa các tiêu chuẩn xuất khẩu liên quan đến truy xuất nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, sản xuất bền vững, bảo vệ môi

trường. Tuy nhiên, liên kết chuỗi tôm ở Việt Nam chủ yếu dựa trên quan hệ xã hội. Thực tế này đặt ra câu hỏi: liệu liên kết chuỗi dựa trên quan hệ xã hội ở Việt Nam có đang thay đổi và trong điều kiện nào thì nó thay đổi?

Cách tiếp cận

Nghiên cứu này tập trung vào mắt xích liên kết giữa người nuôi và thương lái trong chuỗi tôm ở Việt Nam. Theo đó, liên kết này được lượng hóa và xem xét trong bối cảnh của sự hội nhập ngành tôm đang diễn ra một cách mạnh mẽ và nhanh chóng.

Số liệu

Dữ liệu của nghiên cứu được khảo sát từ 200 nông dân nuôi tôm tại 5 xã thuộc huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Việc thu thập số liệu được tiến hành kết hợp với nghiên cứu về liên kết thị trường xuất khẩu của người nuôi tôm ở Việt Nam (trình bày ở trên).

Kết quả

Nghiên cứu cho thấy liên kết dựa trên quan hệ xã hội của nông dân với thương lái (đối tượng thu mua chính trong chuỗi tôm ở Việt Nam) có sự thay đổi căn bản. Nguyên nhân của sự thay đổi này bắt nguồn từ sự chủ động của nông dân trong việc tìm kiếm các mô hình liên kết nuôi tôm mới, phù hợp với xu thế hội nhập của thị trường.

Xuất bản

Nghiên cứu này hiện đang được gửi đăng trên tạp chí marketing letters.

Đề tài

Tìm hiểu sự ưa thích của nông dân về các mô hình liên kết trong chuỗi cung ứng tôm ở Việt Nam.

Thời gian thực hiện

6/2019 – 6/2020

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập nhanh của ngành tôm Việt Nam, nhiều mô hình liên kết chuỗi được giới thiệu đến người nuôi. Mô hình liên kết toàn diện hỗ trợ người nuôi toàn bộ các vấn đề liên quan đến sản xuất từ con giống, thuốc, thức ăn đến thu mua thành phẩm. Mô hình liên kết một phần hỗ trợ người nuôi ở một khía cạnh cụ thể của sản xuất. Mô hình liên kết hợp tác xã giúp kết nối người nuôi với nhau, tận dụng lợi thế nhờ quy mô. Mỗi mô hình có một ưu, nhược điểm khác nhau. Thực tế này đặt ra câu hỏi: liệu người nuôi tôm có thực sự hiểu được ưu, nhược điểm của từng mô hình và quan trọng hơn, đối với họ cái gì được xem là

ưu điểm, cái gì bị coi là nhược điểm.

Cách tiếp cận	Nghiên cứu này tập trung lượng hóa sự lựa chọn của người nông dân đối với 4 thuộc tính phổ biến của một mô hình liên kết. Đó là: sự hỗ trợ các yếu tố đầu vào cho sản xuất, cơ chế giá, quyền ra quyết định, và vai trò của thương lái. Nhóm nghiên cứu đã tạo ra các tình huống giả định sát với thực tế để người nông dân lựa chọn.
Số liệu	Quá trình thu thập số liệu của nghiên cứu này là một thách thức thú vị. Người nông dân vốn không quen thuộc với các thuật ngữ kinh tế và quản lý. Do vậy, để thu thập số liệu hiệu quả, nhóm nghiên cứu đã chú trọng các chi tiết sau: (1) xây dựng các tình huống giả định sát với bối cảnh nghiên cứu, (2) tạo ra nhiều hoạt động tương tác giữa điều tra viên và nông dân, và (3) tập huấn kỹ càng đối với điều tra viên. Số liệu được thu thập kết hợp với việc lấy số liệu của hai nghiên cứu trên.
Kết quả	Nghiên cứu cho thấy người nông dân coi trọng yếu tố được tham gia vào quá trình ra quyết định kinh doanh và không coi trọng vai trò của thương lái nếu tham gia vào các mô hình liên kết mới. Sự chủ động, năng động trong việc tìm tòi các mô hình liên kết sản xuất mới có tác động tích cực đến sự coi trọng quyền tự quyết trong kinh doanh của nông dân.
Xuất bản	Xuất bản: Nghiên cứu này được dự kiến sẽ gửi đăng trên một trong các tạp chí về marketing.